TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 6 - 2020
V/v: Ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật.

Bà Nguyễn Thị Chiều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Cụm 3, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Cụm 3, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Minh H trình bày*: Anh và chị Phạm Thị Ánh T tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội) vào ngày 20/10/1999. Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở Hà Đông một thời gian, đến năm 2014 về cụm 3, thôn Đông Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày cũng như lúc anh đau ốm chị T không quan tâm đến

anh; khi mẹ anh ốm chị T cũng không quan tâm chu đáo. Chị T là người không có trách nhiệm với chồng và gia đình nhà chồng. Anh đã cho chị T cơ hội để thay đổi tính cách, vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, anh không còn tình cảm với chị T, anh xin ly hôn chị T.

- *Theo các lời khai bị đơn là chị Phạm Thị Ánh T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Minh H kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội) vào ngày 20/10/1999. Sau khi cưới vợ chồng sống ở Hà Đông, đến năm 2014 thì về cụm 3, thôn Đông Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội sinh sống. Vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không chia sẻ buồn, vui trong cuộc sống, không nói chuyện với nhau. Từ tháng 6/2019 đến nay vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng. Chị cảm thấy vợ chồng chung sống thời gian lâu nhưng chưa hiểu về nhau, sống cùng một nhà nhưng không tình cảm, chị biết anh H không yêu thương chị, chị đã cố gắng thay đổi để vợ chồng hiểu và quan tâm đến nhau nhưng không có kết quả, nay chị vẫn còn tình cảm với anh H chị xin đoàn tụ.

Về con chung: Anh Nguyễn Minh H và chị Phạm Thị Ánh T xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức L, sinh ngày 06/8/2000, cháu L đã trên 18 tuổi nên cả anh H và chị T đều không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh H và chị Phạm Thị Ánh T có văn bản đề nghị Tòa án không giải quyết tài sản chung vợ chồng trong vụ án này.

Về công sức, về nợ: Anh Nguyễn Minh H và chị Phạm Thị Ánh T đều xác định không có.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị Phạm Thị Ánh T, về con chung: có 01 con chung đã trưởng thành, về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, về công sức: không có; về nợ: không có.

Chị Phạm Thị Ánh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung đã trưởng thành. về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, về công sức: không có; về nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Minh H xử cho anh Nguyễn Minh H được ly hôn chị Phạm Thị Ánh T. Về con chung: có 01 con chung đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không phải giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Minh H có đơn xin ly hôn chị Phạm Thị Ánh T có địa chỉ cư trú tại cụm 3, thôn Đ, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xác định là quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo qui định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 3 điều 36; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh H và chị Phạm Thị Ánh T trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/10/1999 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh H và chị T không quan tâm đến nhau, không chia sẻ vui, buồn, khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng sống cùng một nhà nhưng việc ai người đó làm, không hỏi han nhau nên tình cảm nhạt dần, dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Anh H xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn nên xin ly hôn. Chị T cũng xác định vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, chị vẫn còn tình cảm với anh H chị xin đoàn tụ.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T có nhiều mâu thuẫn, anh H xác định không còn tình cảm với chị T. Chị T cũng biết anh H không còn yêu thương chị, mặc dù xin đoàn tụ nhưng chị T không có hành động và biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh H, xử cho anh Nguyễn Minh H được ly hôn với chị Phạm Thị Ánh T.

Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 06/8/2000, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về công sức với gia đình, về nợ chung: Anh H và chị T xác định không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Minh H.

- Anh Nguyễn Minh H được ly hôn chị Phạm Thị Ánh T.

- Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 06/8/2000, đã trưởng thành nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh H và chị Phạm Thị Ánh T không yêu cầu nên không giải quyết. Về công sức với gia đình, về nợ chung: Anh Nguyễn Minh H và chị Phạm Thị Ánh T xác định không có nên không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014249 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh H, chị Phạm Thị Ánh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. /.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND phường Quang Trung, quận Hà Đông; TP Hà Nội ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng